TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trung Thảo.

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 16/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Ngọc N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Bà N có mặt tại phiên tòa. Ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2009 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 6/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nhau và vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn T.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông T có một con chung là Trần Thanh S (sinh ngày 08/4/2010). Hiện nay, cháu S đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt.

Theo đơn xin vắng và trong quá trình giải quyết vụ án ông T có ý kiến như sau: Ông và bà N chung sống với nhau vào năm 2009 không có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của bà N. Do mâu thuẫn với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông T có một con chung là Trần Thanh S (sinh ngày 08/4/2010). Hiện nay, cháu S đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao cháu S cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà N khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự, bị đơn ông T hiện nay đang cư trú tại huyện T, tỉnh Long An nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà N và ông T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông T đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thanh S (sinh ngày 08/4/2010); về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông T đã ly thân với nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay, tại phiên tòa bà N yêu cầu xin ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và theo đơn xin vắng mặt, ông T cũng đồng ý ly hôn

với bà N. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã quá trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tuy nhiên, theo ông T, bà N trình bày thì vợ chồng không có đăng ký kết hôn; đồng thời theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 28/UBND-CNTTHN ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thì bà N và ông T chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay và không có đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận bà N và ông T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đồng ý giao cháu S cho bà N nuôi dưỡng. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu S được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của cháu S căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu S cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà N không yêu cầu).

[5] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà N và ông T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Ngọc N và ông Lê Văn T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thanh S (sinh ngày 08/4/2010) cho bà Trần Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà N không yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà N và ông T đều trình bày không.

5/ Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số BI/2019/0002324, quyển số 0047 ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà Trần Thị Ngọc N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký

Nguyễn Duy Khang